

Môn thi: Ngữ văn (chung)

Thời gian: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Khóa thi ngày: 04-06/6/2024

I. Đọc hiểu (2,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!

(Bằng Việt, *Bếp lửa*, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.144)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (1,0 điểm) Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập trong câu thơ:

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!

Câu 2. (1,0 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

II. Làm văn (8,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về đức tính khiêm tốn của con người trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long). Từ đó, nhận xét cách nhìn của nhà văn về người lao động mới trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

----- HẾT -----

* Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

* Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

HDC CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN (CHUNG)

(Hướng dẫn chấm có 03 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của học sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức trình bày.
- Điểm lẻ mỗi câu và điểm toàn bài tính đến 0,25 điểm.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Nội dung cần đạt	Điểm
I. Đọc hiểu (2,0 điểm)	
Câu 1. (1,0 điểm) - Chỉ ra thành phần biệt lập: <i>Ôi</i> - Gọi tên thành phần biệt lập: thành phần cảm thán/ cảm thán. <i>*Hướng dẫn chấm:</i> Trả lời như đáp án: 1,0 điểm; Trả lời khác đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
Câu 2. (1,0 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn thơ. Người cháu suy ngẫm về bà và cuộc đời của bà: <i>hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa; bà là người tần tảo, nhẫn nại, đầy yêu thương, luôn nhóm lên niềm vui, sự sống cho con cháu và mọi người,...</i> <i>* Hướng dẫn chấm:</i> Trả lời đúng hoặc tương đương như đáp án: 1,0 điểm; Trả lời có ý nhưng chưa sát, còn chung chung: 0,25 - 0,75 điểm; Trả lời không liên quan hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
II. Làm văn (8,0 điểm)	
Câu 1. Nghị luận xã hội	3,0
I. Yêu cầu về kĩ năng - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. - Bài văn có bố cục đầy đủ, có hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
II. Yêu cầu về kiến thức - Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách nhưng phải làm sáng tỏ được <i>đức tính khiêm tốn của con người trong cuộc sống</i> . - Sau đây là một số ý cơ bản mang tính định hướng:	2,5
1. Giải thích <i>Khiêm tốn</i> : có ý thức và thái độ đúng mức trong việc đánh giá bản thân, không tự mãn, tự kiêu, không tự cho mình là hơn người.	0,25

Nội dung cần đạt	Điểm
<p>2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khiêm tốn là một trong những đức tính cao quý cần có của mỗi người. - Người có đức tính khiêm tốn là người luôn hiểu mình, biết người, đánh giá đúng mức về bản thân, không tự đề cao mình và luôn biết lắng nghe ý kiến của người khác. - Đức tính khiêm tốn giúp mỗi người tự nhận ra mặt mạnh và hạn chế của bản thân, có thái độ cầu tiến, ham học hỏi, nỗ lực vươn lên để thành công. - Khiêm tốn dễ tạo được sự đồng cảm, thân thiện, hòa hợp với người khác,...từ đó góp phần làm nên các mối quan hệ xã hội tốt đẹp. - Thiếu khiêm tốn sẽ khiến cho con người luôn tự mãn, tự kiêu, tự cho mình là hơn người, dễ bị xa lánh, ghét bỏ. <p><i>* Dẫn chứng: HS lựa chọn dẫn chứng phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề.</i></p>	1,5
<p>3. Mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khiêm tốn không có nghĩa là tự ti, tự hạ thấp mình; biết khiêm tốn là tốt nhưng không nên khiêm tốn một cách thái quá đến mức khép kín và nhu nhược. - Ngược lại với đức tính khiêm tốn là sự kiêu căng, tự mãn, tự phụ,... Đây là những biểu hiện cần lên án, phê phán. 	0,5
<p>4. Bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được sự cần thiết của việc tu dưỡng rèn luyện đức tính khiêm tốn. - Biết khiêm tốn đúng mức, không ngừng học hỏi, rèn luyện, phấn đấu, vươn lên để hoàn thiện bản thân,... 	0,25
<p>Câu 2. Nghị luận văn học</p>	5,0
<p>I. Yêu cầu về kĩ năng</p>	0,5
<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề nghị luận. <i>Thân bài</i> triển khai các luận điểm để giải quyết vấn đề. <i>Kết bài</i> đánh giá, kết luận được vấn đề. - Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu; có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. 	
<p>II. Yêu cầu về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh có thể trình bày vấn đề nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng phải xuất phát từ tác phẩm <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> và phù hợp với yêu cầu đề ra. - Nội dung chính của bài viết cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản dưới đây: 	4,5
<p>1. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cảm nhận về đẹp của nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> (Nguyễn Thành Long). Từ đó, nhận xét cách nhìn của nhà văn về người lao động mới trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.</p>	0,5
<p>2. Triển khai vấn đề nghị luận.</p>	4,0
<p>a. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận</p>	0,5
<p>b. Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên</p>	2,5

Nội dung cần đạt	Điểm
<p>b1. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật anh thanh niên. - Vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên: <ul style="list-style-type: none"> + Ý thức về công việc của mình, yêu nghề, thấy được công việc thầm lặng ấy là có ích cho cuộc sống, cho mọi người; + Tổ chức sắp xếp cuộc sống một mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động: <i>trồng hoa, nuôi gà, tự học và đọc sách ngoài giờ làm việc;</i> + Cởi mở, chân thành, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người, quý trọng và quan tâm đến người khác một cách chu đáo; + Là người rất khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé. <p>→ <i>Vẻ đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.</i></p> <p>b2. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tình huống tự nhiên, tình cờ, hấp dẫn. - Miêu tả nhân vật tập trung từ điểm nhìn của nhân vật họa sĩ; nhân vật không có tên; qua lời thoại. - Kết hợp tự sự và trữ tình,... 	<p>2.0</p> <p>0,5</p>
<p>c. Đánh giá chung:</p>	<p>0.5</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp của anh thanh niên tiêu biểu cho vẻ đẹp của những người lao động mới trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ. - Qua nhân vật này, người đọc thấy tình yêu mến, sự trân trọng của tác giả đối với người lao động và khẳng định được tài năng của tác giả trong nghệ thuật xây dựng nhân vật. 	
<p>d. Nhận xét cách nhìn của nhà văn về người lao động mới trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với nhà văn, người lao động mới là những người có lí tưởng sống cao đẹp, yêu nước, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, gắn bó với những công việc thầm lặng nhưng đem lại ý nghĩa trong cuộc sống và niềm vui cho con người. - Đây là cái nhìn mới mẻ, mang tính phát hiện của nhà văn về người lao động. Qua cái nhìn này, tác giả thể hiện thái độ trân trọng, tôn vinh đối với những người biết hi sinh, cống hiến cho đất nước,... 	<p>0.5</p>
<p>TỔNG: I + II</p>	<p>10,0</p>

..... HẾT

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: Ngữ văn (chuyên)
Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)
Khóa thi ngày: 04 - 06/6/2024

I. ĐỌC HIỂU (2,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

THỜI GIAN

*Thời gian qua kẽ tay
Làm khô những chiếc lá
Kỉ niệm trong tôi
Rơi
như tiếng sỏi
trong lòng giếng cạn*

*Riêng những câu thơ
còn xanh*

*Riêng những bài hát
còn xanh*

*Và đôi mắt em
như hai giếng nước.*

Xuân Đình Mão, 2/1987

(Văn Cao, *Tuyển tập Văn Cao – Thơ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1994, tr.106)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (1,0 điểm) Chỉ ra biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong bài thơ.

Câu 2. (1,0 điểm)

- a) Những hình ảnh thơ nào có ý nghĩa biểu hiện sức sống của tác phẩm nghệ thuật?
b) Qua bài thơ, Văn Cao thể hiện quan niệm gì về thời gian?

II. LÀM VĂN (8,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của kỉ niệm đối với cuộc sống mỗi người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Tác phẩm văn học đích thực có sức sống bền bỉ trước sự đào thải của thời gian”.

Bằng kiến thức và trải nghiệm văn học, em hãy viết bài văn giải thích và chứng minh ý kiến trên.

----- HẾT -----

Thí sinh không được mang theo tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần nắm bắt được nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Cần chủ động và linh hoạt khi vận dụng *Hướng dẫn chấm* này.
- Tổ chấm thi nghiên cứu *Hướng dẫn chấm*, tổ chức thảo luận và thống nhất nội dung chấm cho mỗi câu. Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có cách nhìn nhận, giải quyết vấn đề nghị luận mới mẻ, sâu sắc, có sức thuyết phục; có cách trình bày sáng tạo, lập luận chặt chẽ; diễn đạt mạch lạc, giàu hình ảnh và cảm xúc.
- Việc chi tiết hóa nội dung và điểm thành phần trong các câu do tổ chấm thống nhất; song, không làm thay đổi mức điểm của thành phần, của câu và toàn bài. Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu, không làm tròn số và tính lẻ đến 0,25 điểm.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. ĐỌC HIỂU (2,0 điểm)

Nội dung yêu cầu	Điểm
<p>Câu 1. Biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Kỷ niệm trong tôi/ Rơi/ như tiếng sỏi / trong lòng giếng cạn</i>- <i>đôi mắt em/ như hai giếng nước.</i> <p>* Hướng dẫn chấm: Thí sinh viết đúng mỗi trường hợp: 0,5 điểm. Viết sai hoặc không đầy đủ/không đúng các thành phần so sánh: 0,0 điểm.</p> <p>Lưu ý: Thí sinh có thể viết khác nhưng thể hiện được rõ các nội dung, cấu trúc so sánh vẫn ghi điểm.</p>	1,0
<p>Câu 2a. Những hình ảnh thơ có ý nghĩa biểu hiện sức sống của tác phẩm nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Những câu thơ (câu thơ) / còn xanh</i>- <i>Những bài hát (bài hát)/ còn xanh</i> <p>* Hướng dẫn chấm: Thí sinh viết đúng mỗi trường hợp: 0,25 điểm. Viết sai hoặc không đầy đủ hoặc thừa: 0,0 điểm.</p>	0,5
<p>Câu 2b. Qua bài thơ, Văn Cao quan niệm sức mạnh của thời gian: thời gian trôi lặng lẽ, lấy đi sự sống của vạn vật, làm phai phai bao kỉ niệm nhưng chính thời gian bảo chứng cho sức sống lâu bền của những tác phẩm nghệ thuật và vẻ đẹp của tình yêu, con người, cuộc sống.</p> <p>* Hướng dẫn chấm: Thí sinh trả lời đảm bảo cơ bản các ý: 0,5 điểm; trả lời có ý nhưng chưa đảm bảo các ý: 0,25 điểm. Trả lời sai, khác với ý trên: 0,0 điểm. Lưu ý: Thí sinh diễn đạt có ý tương đương với ý như hướng dẫn: 0,5 điểm.</p>	0,5

II. LÀM VĂN (8,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm)

Nội dung yêu cầu	Điểm
I. Yêu cầu về kĩ năng	

<p>- Bài viết có bố cục đầy đủ, hệ thống luận điểm rõ ràng, vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận để làm sáng tỏ các luận điểm, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc; văn viết tự nhiên, giàu hình ảnh, cảm xúc; không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.</p>	0,5
<p>II. Yêu cầu về kiến thức</p> <p>- Thí sinh có thể hiểu vấn đề và trình bày bài văn theo nhiều cách, song phải tập trung vào giải quyết các yêu cầu của đề bài.</p> <p>- Sau đây là một số ý cơ bản cần đạt:</p>	4,5
<p>1. Giải thích</p>	1,5
<p><i>1.1. Giải thích từ ngữ, hình ảnh</i></p> <p>- <i>Tác phẩm văn học đích thực</i> là văn bản nghệ thuật ngôn từ có giá trị vượt trội, bền vững, đáp ứng nhu cầu thưởng thức muôn thuở của người đọc.</p> <p>- <i>Sức sống bền bỉ của tác phẩm</i> là việc các giá trị của tác phẩm vượt qua được sự thanh lọc, đào thải của thời gian; được người đọc không ngừng khám phá, truyền giữ và phát huy.</p> <p>=> Ý kiến khẳng định, đề cao sức sống kì diệu của tác phẩm văn học đích thực.</p>	0,5
<p><i>1.2. Vì sao tác phẩm văn học đích thực có sức sống bền bỉ trước sự đào thải của thời gian?</i></p> <p>- Cùng với sự phát triển của xã hội, thời gian thanh lọc, đào thải những cái lỗi thời, lạc hậu; lưu giữ những tinh hoa, giá trị văn hóa do con người sáng tạo ra.</p> <p>- Là sản phẩm của hoạt động sáng tạo nghệ thuật, tác phẩm văn học đích thực phản ánh chân thực, sinh động, sâu sắc bức tranh đời sống, lịch sử nhân loại; đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, khám phá, nâng cao tri thức của người đọc.</p> <p>- Tác phẩm văn học đích thực là nơi nhà văn kí thác tư tưởng, tình cảm, lý tưởng nhân văn, khát vọng cao cả ... về cuộc đời; bắt được nhịp cầu tri âm, nâng đỡ và thanh lọc tâm hồn người đọc qua nhiều thế hệ.</p> <p>- Tác phẩm văn học đích thực có hình thức thể hiện sáng tạo, đa dạng; nội dung giàu tính thẩm mỹ, đem lại cho người đọc những cung bậc cảm xúc phong phú trước cái đẹp.</p> <p>- ...</p>	1,0
<p>2. Chứng minh</p> <p>Thí sinh lựa chọn các tác phẩm văn học đã được sàng lọc qua thời gian; đảm bảo sự đa dạng về thể loại, về không gian văn hóa, thời gian lịch sử để phân tích và chứng minh được sức sống bền vững của các tác phẩm ấy thông qua các giá trị văn học.</p>	2,5
<p>3. Đánh giá chung</p> <p>- Nhận định có ý nghĩa đề cao đối với những tác phẩm văn học đích thực nói riêng, tác phẩm nghệ thuật nói chung.</p> <p>- Nhận định có ý nghĩa định hướng đối với hoạt động sáng tạo của nhà văn và hoạt động tiếp nhận của người đọc.</p>	0,5

--- Hết---